

Số: 04/HD-NNPTNT-TC

Hà Giang, ngày 29 tháng 9 năm 2023

HƯỚNG DẪN

Về quản lý, sử dụng, hạch toán, quyết toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng và áp dụng hệ số K thành phần chưa quy định

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ, quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT, ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp PTNT về việc hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC, ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 112/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh về quy định mức chi công tác phí, chi Hội nghị trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Quyết định số 2599/2013/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 của UBND tỉnh về việc quy định mức thanh toán chi phí cho các tổ chức, cá nhân được huy động để ngăn chặn tình trạng chặt phá rừng trái pháp luật và phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 02/4/2019 của UBND tỉnh quy định một số nội dung chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Văn bản số 1129/UBND-KTTH ngày 19/4/2021 của UBND tỉnh về việc đôn đốc rà soát triển khai thực hiện chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng thông qua bên thứ 3.

Liên Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính ban hành hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, hạch toán, quyết toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) và áp dụng hệ số K thành phần chưa quy định trên địa bàn tỉnh Hà Giang, như sau:

I. Hướng dẫn quản lý, sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng

1. Quản lý, sử dụng và hạch toán, quyết toán đối với chủ rừng là các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng, Ban chỉ huy Quân sự, Đoàn Biên phòng và chủ rừng là tổ chức

1.1. Trình tự, thủ tục

a) Căn cứ diện tích rừng được giao, cho thuê, chủ rừng xác định diện tích rừng tự bảo vệ hoặc khoán bảo vệ theo tình hình thực tế về nhân lực và diện tích rừng của đơn vị.

- Đối với diện tích khoán bảo vệ rừng cho bên nhận khoán, chủ rừng xây dựng Hồ sơ khoán theo khoản 1 Điều 7 và khoản 1 Điều 8 Nghị định 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ.

+ Hình thức khoán: Khoán công việc, dịch vụ.

+ Thời hạn khoán: Không quá 12 tháng, được tính từ 01/01 đến 31/12 năm kế hoạch.

+ Hạn mức khoán (*diện tích khoán*): Do bên khoán và bên nhận khoán thỏa thuận.

+ Đơn giá khoán: Được xác định căn cứ số tiền DVMTR đơn vị được nhận hàng năm.

+ Thủ tục, hồ sơ khoán: Có biên bản bầu người đại diện nhận khoán (*nếu là cộng đồng, nhóm hộ, tổ đội bảo vệ rừng*), hợp đồng khoán kèm sơ đồ khu rừng được trích lục từ bản đồ chi trả kèm theo.

(*Có biểu 01 - Mẫu hợp đồng khoán kèm theo*)

- Về nội dung nghiệm thu kết quả bảo vệ rừng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và các văn bản hiện hành của Nhà nước hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung (*nếu có*). Đối với diện tích rừng trong năm kế hoạch khi có biến động tăng hoặc giảm so với diện tích trong hợp đồng giao khoán, bên nhận khoán đề nghị bên khoán bổ sung phụ lục hợp đồng làm cơ sở tiến hành nghiệm thu, thanh toán theo quy định. Thời điểm nghiệm thu bảo vệ rừng trước 31/12 năm kế hoạch.

b) Căn cứ kế hoạch thu, chi tiền DVMTR của UBND tỉnh và nguồn kinh phí được nhận hàng năm, chủ rừng xây dựng dự toán chi tiết sử dụng nguồn kinh phí trong năm gửi cơ quan tài chính quản lý trực tiếp thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm căn cứ triển khai thực hiện.

1.2. Nội dung chi

- Các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng, Đoàn Biên phòng, Ban chỉ huy Quân sự, chủ rừng là tổ chức sử dụng nguồn thu DVMTR để thực hiện các nhiệm vụ được giao theo hướng dẫn tại điểm b, c, d, khoản 3 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2019 của Chính phủ.

- Hàng năm, các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng, Đoàn Biên phòng, chủ rừng là tổ chức thuộc điểm c khoản 3 Điều 70 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2019 của Chính phủ, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản chi phí nêu trên và thực hiện kê khai, nộp thuế (*theo hướng dẫn tại Mục 3 Văn bản số 5854/BTC-TCT ngày 07/5/2014 của Bộ Tài chính về chính sách thuế liên quan đến tiền chi trả DVMTR*). Số tiền trích để chi cho công tác quản lý của chủ rừng; số

tiền nhận được đối với diện tích rừng tự bảo vệ là nguồn thu của chủ rừng và được quản lý theo quy định pháp luật về tài chính phù hợp với loại hình tổ chức của chủ rừng. Phần chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có), các chủ rừng được trích lập và sử dụng các quỹ (quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ bổ sung thu nhập, quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi) theo quy định đối với loại hình tự chủ tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt (theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; Thông tư số 56/2022/TT-BTC, ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính).

1.3. Hạch toán và báo cáo quyết toán

Hạch toán và quyết toán đối với chủ rừng là tổ chức theo quy định của pháp luật về tài chính phù hợp với loại hình tổ chức của chủ rừng; đồng thời lập báo cáo quyết toán với cơ quan quản lý tài chính trực tiếp. Mẫu biểu Quyết toán theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính; các chủ rừng là tổ chức có thực hiện khoán bảo vệ rừng lập báo cáo quyết toán kinh phí chi trả DVMTR theo mẫu số 15 Phụ lục VI Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, nộp cơ quan quản lý trực tiếp và gửi Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng trước ngày 30/6 năm sau.

a) Đối với Ban quản lý rừng đặc dụng: Hạch toán kế toán áp dụng chế độ kế toán hiện hành theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính; đồng thời lập báo cáo quyết toán với Sở Nông nghiệp và PTNT.

b) Đối với Ban quản lý rừng phòng hộ: Hạch toán kế toán áp dụng chế độ kế toán hiện hành theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính; đồng thời lập báo cáo quyết toán với Phòng Tài chính-Kế hoạch cấp huyện.

c) Đối với Đồn Biên phòng, Ban chỉ huy Quân sự và chủ rừng là tổ chức: Hạch toán và quyết toán theo quy định của pháp luật về tài chính phù hợp với loại hình tổ chức của chủ rừng; đồng thời lập báo cáo quyết toán với cơ quan quản lý tài chính trực tiếp.

2. Quản lý, sử dụng và hạch toán, quyết toán đối với UBND cấp xã, Tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng (Phòng Nông nghiệp và PTNT, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh...)

2.1. Trình tự thủ tục

a) UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng phải xây dựng Phương án sử dụng tiền DVMTR phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng hàng năm

- Nội dung phương án gồm:

+ Căn cứ xây dựng phương án sử dụng tiền: Căn cứ Quyết định phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền DVMTR hàng năm của UBND tỉnh (diện tích rừng có cung ứng DVMTR và số tiền được phê duyệt).

+ Hiện trạng khu rừng trên địa bàn xã: Tổng diện tích rừng, rừng tự nhiên, rừng trồng, chức năng rừng.

+ Xác định phương thức tổ chức quản lý, bảo vệ rừng: Diện tích rừng tự bảo vệ, diện tích rừng giao khoán, hình thức khoán (cộng đồng, hộ gia đình, nhóm hộ).

+ Kế hoạch sử dụng tiền DVMTR phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng năm kế hoạch: Xây dựng chi tiết dự kiến nội dung sử dụng tiền DVMTR cho các

hạng mục dự kiến thực hiện (*chi cho công tác bảo vệ rừng, tuần tra kiểm tra rừng, làm thêm giờ, tuyên truyền tập huấn, Hội nghị sơ tổng kết và thi đua khen thưởng...*).

(*Có biểu 02 - Mẫu phương án chi tiết kèm theo*)

- Thẩm quyền và thời gian phê duyệt phương án:

+ UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng xây dựng phương án gửi Phòng tài chính-Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Hạt Kiểm lâm cho ý kiến và trình UBND cấp huyện phê duyệt; Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh xây dựng phương án sử dụng tiền DVMTR phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng hàng năm gửi Sở nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xem xét cho ý kiến trước khi Sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt.

+ Phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt gửi Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh trước ngày 31/01 trong năm kế hoạch.

Lưu ý: Đối với đơn vị hiện nay Phương án sử dụng tiền DVMTR phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng đã được phê duyệt chưa hết giai đoạn, thì tiếp tục thực hiện cho đến khi hết giai đoạn sau đó thực hiện theo hướng dẫn như trên.

b) Căn cứ phương án sử dụng tiền DVMTR được duyệt nêu trên và nguồn kinh phí được cấp có thẩm quyền thông báo hàng năm:

- UBND cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng, có trách nhiệm xây dựng dự toán chi tiết việc quản lý, sử dụng kinh phí gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định và trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt theo quy định, làm căn cứ tổ chức triển khai thực hiện.

- Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh xây dựng dự toán chi tiết việc quản lý và sử dụng kinh phí gửi Sở Tài chính thẩm định theo quy định, làm căn cứ tổ chức triển khai thực hiện.

2.2. Nội dung và mức chi

a) Chi cho người bảo vệ rừng:

Căn cứ diện tích rừng được giao quản lý UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng, xác định hình thức bảo vệ rừng cho phù hợp với điều kiện cụ thể của đơn vị. Gồm:

- Thành lập tổ, đội bảo vệ rừng:

+ Thành phần tham gia tổ, đội bảo vệ rừng và quy chế hoạt động do UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng quyết định thành lập tùy theo điều kiện thực tế của từng xã, phường, thị trấn. Thành phần tham gia tổ, đội bảo vệ rừng gồm: Tổ trưởng là Chủ tịch/Phó chủ tịch UBND cấp xã; thành viên là các lực lượng (*dân quân, công an, quân sự*) và đại diện một số hộ dân trong thôn.

+ Hỗ trợ kinh phí cho các tổ, đội bảo vệ rừng (*theo dự toán chi tiết được UBND cấp huyện phê duyệt*).

- Khoản bảo vệ rừng:

+ Đối tượng khoản: Ưu tiên khoản bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cá nhân, nhóm hộ, cộng đồng dân cư thôn, tổ dân phố sinh sống ổn định, lâu dài trong và gần kề các khu rừng, để cải thiện sinh kế cho người dân và giảm thiểu tác động của người dân đến rừng.

- + Hình thức khoán: Khoán công việc, dịch vụ.
- + Thời hạn khoán: Không quá 12 tháng, được tính từ 01/01 đến 31/12 năm kế hoạch.
- + Hạn mức khoán (*diện tích khoán*): Do bên khoán và bên nhận khoán thỏa thuận.
- + Đơn giá khoán: Được xác định căn cứ số tiền DVMTR đơn vị được nhận hàng năm.
- + Thủ tục, hồ sơ khoán: Có biên bản bầu người đại diện nhận khoán (*nếu là cộng đồng, nhóm hộ, tổ đội bảo vệ rừng*), hợp đồng khoán kèm sơ đồ khu rừng được trích lục từ bản đồ chi trả kèm theo.

(Có biểu 01 - Mẫu hợp đồng khoán kèm theo)

+ Nghiệm thu, thanh toán tiền DVMTR: Khi hết thời hạn hiệu lực của hợp đồng khoán, bên khoán tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện và thanh toán theo hợp đồng hoặc thanh lý và quyết toán hợp đồng khoán để bảo đảm quyền lợi của các bên.

*** Lưu ý:**

Hợp đồng khoán và biểu thống kê diện tích rừng kèm theo Hợp đồng được lập hàng năm.

Sơ đồ mô tả vị trí, ranh giới, đặc điểm khu rừng chỉ lập 01 lần cho năm đầu tiên; những năm tiếp theo kế thừa sơ đồ của năm đầu, chỉ lập sơ đồ bổ sung đối với những vị trí có sự thay đổi tăng hoặc giảm về diện tích, vị trí, ranh giới, đặc điểm lô rừng.

Về nội dung nghiệm thu kết quả bảo vệ rừng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và các văn bản hiện hành của Nhà nước hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung (*nếu có*).

(Có biểu 03 - Biên bản nghiệm thu kèm theo)

Đối với diện tích rừng trong năm kế hoạch khi có biến động tăng hoặc giảm so với diện tích trong hợp đồng giao khoán, bên nhận khoán đề nghị bên khoán bổ sung phụ lục hợp đồng làm cơ sở tiến hành nghiệm thu, thanh toán theo quy định. Thời điểm nghiệm thu bảo vệ rừng trước 31/12 năm kế hoạch.

(Có biểu 04 - Phụ lục hợp đồng kèm theo)

b) Chi xăng, dầu cho phương tiện tuần tra, kiểm tra rừng: Cán bộ xã, thôn, tổ dân phố khi tham gia tuần tra, kiểm tra rừng được hỗ trợ tiền xăng, dầu cho phương tiện đi lại. Mức hỗ trợ theo Nghị quyết số 112/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và các văn bản sửa đổi, bổ sung (*nếu có*). Riêng đối với cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách cấp xã làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra rừng tại các thôn/tổ dân phố cách trung tâm xã dưới 15 km, định mức chi hỗ trợ do cơ quan Tài chính cấp huyện thẩm định (*căn cứ Quyết định phân công nhiệm vụ của UBND cấp xã*) trình UBND cấp huyện phê duyệt.

c) Hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân được huy động để ngăn chặn tình trạng chặt phá rừng trái pháp luật và phòng cháy, chữa cháy rừng. Mức hỗ trợ theo Quyết định số 2599/2013/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 của UBND tỉnh và các văn bản sửa đổi, bổ sung (*nếu có*).

d) Bồi dưỡng làm đêm, làm thêm giờ cho cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách theo quy định của Bộ luật Lao động và Nghị định 145/2020/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

e) Chi hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết; phổ biến, tuyên truyền nghiệp vụ quản lý bảo vệ rừng; công tác thi đua khen thưởng; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý bảo vệ rừng.

- Chi hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết thực hiện theo Nghị quyết số 112/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Chi phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật thực hiện theo Nghị quyết số 147/2014/NQ-HĐND ngày 30/9/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi có tính chất đặc thù trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Hà Giang và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Chi công tác thi đua khen thưởng theo Luật thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn theo quy định hiện hành.

- Chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý bảo vệ rừng thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các văn bản hướng dẫn theo quy định hiện hành.

f) Các khoản chi khác như: Lập thủ tục, hợp đồng khoán bảo vệ rừng; nghiệm thu khoán bảo vệ rừng; chi cho bên dịch vụ (ngân hàng, bưu điện...) thực hiện thanh toán tiền cho bên nhận khoán bảo vệ; công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng, phô tô, văn phòng phẩm, hỗ trợ mua cây giống trồng rừng... (đối với mức chi cho công tác nghiệm thu khoán bảo vệ rừng, đơn giá cây giống trồng rừng được áp dụng theo định mức lâm sinh hiện hành do UBND tỉnh ban hành; các khoản chi khác được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước).

2.3. Hạch toán và báo cáo quyết toán

UBND cấp xã, tổ chức khác được nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng khóa sổ, lập và nộp báo cáo theo quy định về quản lý tài chính đối với từng loại hình tổ chức, cụ thể:

a) UBND cấp xã và tổ chức khác được nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng khóa sổ kế toán, lập và nộp báo cáo theo quy định về quản lý tài chính đối với từng loại hình tổ chức (bao gồm toàn bộ các nội dung chi của đơn vị theo dự toán đã được UBND cấp huyện phê duyệt) gửi Cơ quan Tài chính cấp huyện xét duyệt cùng với thời điểm lập báo cáo quyết toán hàng năm của các đơn vị. Đối với nội dung chi cho bên nhận khoán bảo vệ rừng là cộng đồng dân cư thôn, chứng từ quyết toán bao gồm: Biên bản giao nhận tiền hoặc uỷ nhiệm chi do đơn vị dịch vụ (ngân hàng, bưu

điện...) thanh toán cho bên nhận khoán bảo vệ rừng; Biên bản họp thôn thống nhất hình thức quản lý, sử dụng tiền của người dân trong thôn có đầy đủ chữ ký của các hộ dân tham gia họp có xác nhận của UBND cấp xã và các chứng từ chi theo từng nội dung thực hiện hỗ trợ tại cộng đồng của thôn, tổ dân phố đã họp thống nhất.

- Cơ quan Tài chính cấp huyện xét duyệt báo cáo quyết toán kinh phí chi trả DVMTR của UBND cấp xã và tổ chức khác được nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng.

b) Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh khoá sổ kế toán, lập và nộp báo cáo theo quy định về quản lý tài chính đối với loại hình tổ chức của đơn vị, gửi Sở Tài chính xét duyệt cùng với thời điểm lập báo cáo quyết toán hàng năm của đơn vị.

Lưu ý:

- UBND cấp xã cử cán bộ phụ trách lĩnh vực chuyên môn về tài chính - kế toán theo dõi, khoá sổ, nộp báo cáo quyết toán theo quy định và hướng dẫn thôn, bản ghi chép, lưu trữ chứng từ kế toán thực hiện hỗ trợ tại cộng đồng theo quy định của luật kế toán.

- Đối với phần kinh phí chi phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng của UBND cấp xã, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng trong năm tài chính (*tính đến hết ngày 31/12*) nếu còn tồn, đề nghị đơn vị hạch toán chuyển trả cho bên nhận khoán bảo vệ rừng trong kế hoạch năm sau.

3. Quản lý, sử dụng tiền đối với cộng đồng dân cư thôn, tổ dân phố (được giao rừng hoặc nhận khoán bảo vệ rừng)

3.1. Nguyên tắc quản lý và sử dụng tiền

- Đảm bảo tính dân chủ, công khai theo quy định về việc thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

- Các hộ dân trong thôn đều có vai trò, quyền lợi và trách nhiệm như nhau trong công tác bảo vệ rừng và có quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tiền DVMTR sau khi thực hiện nghĩa vụ về tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật (*tại khoản 1 Điều 65 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ*).

- Tiền chi trả DVMTR được tiếp nhận, quản lý, sử dụng chung và do cộng đồng dân cư họp bàn quyết định. Ưu tiên cho công tác quản lý bảo vệ rừng (*tuần tra, mua sắm công cụ, thiết bị cho công tác bảo vệ rừng, hỗ trợ mua cây giống trồng rừng...*). Đặc biệt đối với những thôn/tổ dân phố nếu có tình trạng rừng bị xâm hại, cộng đồng xem xét sử dụng toàn bộ số tiền cho công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

- Toàn bộ số tiền mặt khi chưa sử dụng phải được cất giữ và quản lý đảm bảo an toàn, nếu thấy không đảm bảo việc cất giữ tiền tại thôn/tổ thì tạm thời làm các thủ tục gửi vào Ngân hàng, Bru điện... để tránh rủi ro thất thoát.

3.2. Nội dung chi và chứng từ lưu trữ

UBND các huyện, thành phố chỉ đạo UBND cấp xã, chủ rừng là tổ chức Nhà nước, tổ chức khác được nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng hướng dẫn và định hướng cho các thôn/tổ sử dụng tiền chi trả DVMTR theo thứ tự ưu tiên cụ thể như sau:

a) Chi hỗ trợ cho hoạt động của tổ, đội quần chúng bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng của thôn/tổ dân phố (*nếu thôn thành lập*). Định mức ngày công đi tuần rừng do cộng đồng dân cư họp bàn quyết định tùy thuộc vào số tiền DVMTR của cộng đồng nhận được hàng năm và quy chế hoạt động của tổ, đội bảo vệ rừng. **Chứng từ lưu trữ gồm:** Quyết định thành lập, quy chế hoạt động của tổ, đội bảo vệ rừng; bảng chấm công tuần tra bảo vệ rừng, giấy biên nhận tiền, danh sách thanh toán tiền hỗ trợ công tuần tra bảo vệ rừng có ký nhận của người nhận tiền.

b) Chi tiền công cho hộ gia đình, cá nhân, nhóm hộ tham gia bảo vệ diện tích rừng do cộng đồng được nhận khoán bảo vệ để cải thiện sinh kế cho người dân. **Chứng từ lưu trữ gồm:** Danh sách thanh toán tiền cho hộ gia đình, cá nhân, nhóm hộ (*có chữ ký nhận tiền*).

c) Hỗ trợ tiền cho các hoạt động khác nhằm mục đích bảo vệ và phát triển rừng:

- Mua sắm các công cụ, dụng cụ phục vụ tuần tra bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, vật tư văn phòng khác phục vụ việc chi trả tiền DVMTR và mua cây giống để phát triển rừng. **Chứng từ lưu trữ gồm:** Hóa đơn, chứng từ hợp pháp và danh sách cấp phát công cụ, dụng cụ, cây giống cho người dân có đầy đủ chữ ký giao nhận (*theo quy định tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ và Thông tư 78/2021/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14*).

- Khen thưởng hoặc hỗ trợ tập thể, cá nhân có thành tích hoặc trách nhiệm trong bảo vệ rừng (*không phải là thành viên Ban quản lý thôn*). **Chứng từ lưu trữ gồm:** Biên bản họp thôn, tổ dân phố bầu tập thể, cá nhân được khen thưởng; danh sách thanh toán tiền cho tập thể, cá nhân được khen thưởng có ký nhận tiền của người được khen thưởng.

*** Lưu ý:**

- Các nội dung chi nêu trên được Ban quản lý cấp thôn định hướng, do cộng đồng dân cư họp bàn công khai, minh bạch và thống nhất quyết định hình thức quản lý, sử dụng tiền. Nội dung họp thôn phải thể hiện bằng Biên bản và có xác nhận của UBND cấp xã (*kèm theo danh sách có chữ ký của toàn bộ số người tham dự*); Biên bản họp thôn gửi 01 bản về UBND cấp xã, chủ rừng là tổ chức Nhà nước, tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng để phục vụ công tác thanh, kiểm tra và quyết toán hàng năm.

- Việc quản lý, sử dụng kinh phí khoán bảo vệ rừng theo nội dung họp thôn đã thống nhất. Ban quản lý thôn thực hiện chi đúng, chi đủ và tự chịu trách nhiệm kiểm soát việc thu, chi đảm bảo không thất thoát kinh phí, không chi sai mục đích;

- Bên giao khoán (*Chủ rừng là tổ chức, UBND xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý, bảo vệ rừng*) chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, lưu trữ sổ sách ghi chép và sử dụng kinh phí của thôn đúng nội dung, mục đích đã họp thống nhất tại biên bản họp thôn đã thống nhất.

3.3. Về việc lưu trữ sổ sách, chứng từ của cộng đồng dân cư thôn, tổ dân phố

- Ban quản lý thôn, tổ dân phố phải mở sổ sách theo dõi thu, chi tiền DVMTR hàng năm và lưu trữ đầy đủ các chứng từ thu, chi gồm: Biên bản giao nhận tiền

hoặc uỷ nhiệm chi do đơn vị dịch vụ (*ngân hàng, bưu điện...*) thanh toán cho thôn; biên bản họp thống nhất hình thức quản lý, sử dụng tiền của người dân trong thôn, có chữ ký của các hộ dân tham gia họp và có xác nhận của UBND cấp xã và các chứng từ chi theo từng nội dung của thôn, tổ dân phố đã họp thống nhất để phục vụ công tác thanh, kiểm tra khi có yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Ban quản lý thôn, tổ dân phố phải bố trí tủ, hòm (*có khoá*) để lưu trữ sổ sách, chứng từ thu chi tiền DVMTR riêng, khi có thay đổi người đại diện (*Trưởng thôn, thủ quỹ...*) quản lý sổ sách, chứng từ thì phải lập biên bản bàn giao sổ sách, chứng từ cụ thể.

II. Hướng dẫn quản lý, sử dụng tiền DVMTR đối với các đơn vị cấp tỉnh, huyện, xã trong thực hiện nhiệm vụ chi trả DVMTR

1. Căn cứ xác định mức hỗ trợ

- Căn cứ nhiệm vụ của Chi cục Kiểm lâm, Hạt Kiểm lâm được UBND tỉnh giao hỗ trợ Quỹ thực hiện nhiệm vụ chi trả.

- Căn cứ Phương án quản lý sử dụng tiền DVMTR gắn với quản lý bảo vệ rừng.

- Căn cứ Quyết định phê duyệt Kế hoạch thu, chi hàng năm của UBND tỉnh và quyết định phê duyệt dự toán của các đơn vị (*tỉnh, huyện, xã*) gửi Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng trước ngày 31/01 hàng năm.

2. Nội dung và mức chi

2.1. Chi công tác phí, xăng xe cho cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện

- Thực hiện theo Nghị quyết số 112/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

- Riêng đối với cán bộ Kiểm lâm địa bàn được phân công phụ trách làm việc tại các xã/phường/thị trấn đã được hưởng phụ cấp lưu động; Ban Kiểm tra giám sát chi trả DVMTR và Hạt Kiểm lâm cấp huyện tham gia hỗ trợ Quỹ thực hiện nhiệm vụ chi trả DVMTR tại xã/phường/thị trấn cách trụ sở cơ quan dưới 10 km (*đối với các xã/phường/thị trấn thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ*) và dưới 15 km (*đối với các xã còn lại*), được hỗ trợ theo định mức ngày công quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng phê duyệt hàng năm hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung (*nếu có*). Hàng năm, Quỹ sẽ có văn bản thông báo định mức hỗ trợ được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng tới các đơn vị được UBND tỉnh giao hỗ trợ Quỹ thực hiện nhiệm vụ chi trả.

2.2. Chi cho cán bộ cấp xã

Đối với UBND cấp xã xây dựng phương án quản lý sử dụng tiền DVMTR gắn với công tác quản lý bảo vệ rừng mà có nguồn thu thấp (*dưới 10,0 triệu đồng/năm*), sẽ được hỗ trợ theo định mức ngày công quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng phê duyệt hàng năm hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung (*nếu có*). Hàng năm Quỹ sẽ có văn bản thông báo số người được hưởng và định mức hỗ trợ được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng tới các UBND cấp xã làm căn cứ để thực hiện nhiệm vụ chi trả.

2.3. Chi hỗ trợ các nội dung khác liên quan đến chi trả DVMTR: Văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, phô tô... (*không chi mua sắm, sửa chữa tài sản*).

3. Thành phần hồ sơ, chứng từ thanh quyết toán

- Quyết định phân công nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền đối với cán bộ tham gia phối hợp thực hiện của cấp tỉnh, huyện, xã:

+ Đối với cấp tỉnh (*Chi cục Kiểm lâm*): Do thủ trưởng đơn vị quyết định.

+ Đối với cấp huyện: Hạt Kiểm lâm do thủ trưởng đơn vị; Ban Kiểm tra, giám sát do UBND cấp huyện quyết định.

+ Đối với cấp xã: Do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định.

- Kế hoạch công tác và biên bản làm việc (*hoặc tài liệu*) chứng minh cho những ngày đi công tác về thực hiện nhiệm vụ chi trả chi trả DVMTR gắn với công tác quản lý bảo vệ rừng.

- Các chứng từ chi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Trước ngày 31/12 hàng năm: Đơn vị hỗ trợ Quỹ thực hiện nhiệm vụ chi trả DVMTR cấp tỉnh, cấp huyện (*bao gồm cả chứng từ chi cho cấp xã*) có trách nhiệm tổng hợp toàn bộ chứng từ đã chi trong năm (*bản gốc*) gửi Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng phục vụ công tác thanh, quyết toán theo quy định;

III. Hướng dẫn áp dụng hệ số K

1. Chưa áp dụng hệ số K thành phần đối với rừng chưa có trữ lượng/trữ lượng rừng trồng và rừng ngoài quy hoạch được chi trả.

2. Các hệ số K thành phần khác được thực theo đúng quy định hiện hành.

Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn liên ngành số 03/HD-NNPTNT-TC ngày 21/9/2021 của liên Sở Nông nghiệp và PTNT và Tài chính về quản lý, sử dụng, hạch toán, quyết toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng và áp dụng hệ số K thành phần chưa quy định. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh bằng văn bản về liên ngành: Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính để xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

SỞ TÀI CHÍNH

SỞ TÀI CHÍNH HÀ GIANG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Kiều Vân

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT



Nguyễn Trung Hiếu

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (*thay B/c*);
- Đ/c Hoàng Gia Long-PCT thường trực UBND tỉnh;
- Hội đồng quản lý Quỹ;
- Giám đốc Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Biên phòng tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chủ rừng là tổ chức;
- Tổ chức được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng;
- Hạt Kiểm lâm các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu VT: SNN, STC.

HỢP ĐỒNG KHOÁN

(Kèm theo Văn bản hướng dẫn liên ngành số 04/HD-NNPTNT-TC ngày 29/9/2023 của Sở Nông nghiệp & PTNT và Sở Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm.....

HỢP ĐỒNG KHOÁN**Số:/HD-KBVR**

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;

Căn cứ Luật đất đai năm ngày 29/11/2013;

Căn cứ Bộ Luật dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ, quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/ND-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT, ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp PTNT về việc hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh.

Hôm nay, ngày tháng năm....., tại

Chúng tôi gồm:

I. Bên khoán (Bên A)

Do ông (bà) chức vụ

Địa chỉ:; Số điện thoại

Tài khoản số:; Mã số thuế:

II. Bên nhận khoán (Bên B)

Do ông (bà): làm đại diện hộ nhận khoán

Địa chỉ:

CCCD: Ngày cấp Nơi cấp

Điện thoại:

Tài khoản số: Mã số thuế:

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng khoán với các Điều, khoản sau đây:

Điều 1. Hình thức, đối tượng, địa điểm khoán

1. Hình thức khoán: Khoán công việc, dịch vụ.

2. Đối tượng khoán¹:

3. Diện tích khoán ha

(Có phụ biểu kèm theo)

4. Địa điểm, vị trí ranh giới: Tại thôn thuộc xã, huyện, tỉnh Hà Giang

(Có sơ đồ vị trí, ranh giới và đặc điểm khu rừng kèm theo)

Điều 2. Nội dung khoán

Về công việc: Bảo vệ diện tích rừng có cung ứng DVMTR.

Điều 3. Thời hạn khoán

Thời hạn khoán: 12 tháng; kể từ ngày 01/01/..... đến ngày 31/12/.....

Điều 4. Quyền và trách nhiệm của các bên**1. Quyền và trách nhiệm của Bên A****a) Quyền hạn**

- Bên A có quyền theo dõi, kiểm tra và giám sát quá trình thực hiện Hợp đồng của Bên B;

- Có quyền yêu cầu Bên B thực hiện đúng các nội dung công việc theo bản cam kết và theo quy định tại Hợp đồng, trong trường hợp Bên B vi phạm nội dung Hợp đồng căn cứ theo mức độ vi phạm bên A có quyền chấm dứt hợp đồng hoặc đề nghị Hạt kiểm lâm huyện, chính quyền địa phương xử lý theo mức độ vi phạm theo quy định hiện hành; không chi trả tiền cung ứng dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) đối với những diện tích rừng không được bảo vệ đúng quy định.

- Yêu cầu bên B bồi thường thiệt hại nếu bên B vi phạm hợp đồng.

b) Trách nhiệm

- Thực hiện đầy đủ những cam kết trong hợp đồng khoán.

- Phải xác định rõ ranh giới diện tích khu rừng, hiện trạng rừng tại thực địa và vị trí ranh giới trên bản đồ đối với khu rừng được khoán bảo vệ cho bên B biết.

- Tuyên truyền, hướng dẫn các quy định, biện pháp bảo vệ và phát triển rừng cho Bên B;

- Tuyên truyền, tư vấn về quyền lợi, nghĩa vụ của bên B khi tham gia thực hiện bảo vệ rừng.

- Nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện của bên B trong việc bảo vệ khu rừng có cung ứng DVMTR làm cơ sở thanh toán tiền DVMTR cho bên B.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**a) Quyền**

- Được hưởng toàn bộ giá trị tiền công bảo vệ khu rừng có cung ứng DVMTR theo mức chi trả của các đơn vị sử dụng DVMTR theo quy định.

- Quyền được tư vấn về chính sách chi trả DVMTR, khuyến lâm từ bên A.

- Được quyền hưởng lợi các sản phẩm từ rừng theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Khi thời gian nhận khoán theo hợp đồng đã ký chưa kết thúc, do điều kiện không thể tiếp tục nhận khoán, bên nhận khoán (hộ/hộ đại diện) đề nghị bên A thay đổi bên nhận khoán.

b) Nghĩa vụ

- Phải nắm rõ, đúng, vị trí ranh giới khu rừng có cung ứng DVMTR ngoài thực địa nhận khoán bảo vệ.

- Các hộ nhận khoán có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ những cam kết đã được thống nhất trong hợp đồng khoán bảo vệ rừng.

- Chấp hành các quy định về phòng cháy chữa cháy rừng. Khi xảy ra cháy rừng phải tổ chức chữa kịp thời và thông báo ngay cho bên A, chính quyền địa phương biết để huy động lực lượng chữa cháy.

- Thường xuyên tuần tra kiểm tra ngăn chặn các hành vi gây hại đến tài nguyên rừng như: chặt phá rừng, đốt nương làm rẫy, săn bắt động vật rừng trái phép, gia súc phá hoại cây trồng...

- Chịu trách nhiệm bảo toàn và phát triển rừng bền vững trên diện tích nhận khoán bảo vệ rừng.

- Khi đã nhận tiền cung ứng DVMTR để bảo vệ rừng mà rừng không đạt yêu cầu theo quy định của Nhà nước thì phải có trách nhiệm tự bỏ kinh phí ra để phục hồi lại rừng trở lại với hiện trạng lúc giao khoán và phải nộp trả lại số tiền đã nhận.

- Nếu bên B vi phạm hợp đồng sẽ phải bồi thường, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giá trị hợp đồng, phương thức thanh toán và đồng tiền thanh toán

1. Giá trị hợp đồng: Giá trị hợp đồng được tính trên cơ sở bên sử dụng DVMTR chi trả tiền DVMTR hàng năm và căn cứ trên cơ sở kết quả nghiệm thu rừng giữa bên A và bên B.

2. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt.

3. Thanh toán: Sau khi bên A được phân bổ tiền DVMTR hàng năm và dự toán được cơ quan có thẩm quyền (UBND cấp huyện/Sở Tài chính/Sở Nông nghiệp và PTNT) phê duyệt.

4. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

Điều 6. Nghiệm thu, thanh lý hợp đồng

1. Nghiệm thu

a) Thời hạn: Trước ngày 31/12 hàng năm.

b) Thành phần, nội dung nghiệm thu đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng đối với bên nhận khoán theo quy định tại Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung nếu có (*đối với diện tích rừng trong năm kế hoạch có biến động tăng hoặc giảm trong phân vùng được giao khoán bảo vệ trong năm kế hoạch, bên nhận khoán đề nghị bên giao khoán bổ sung phụ lục hợp đồng làm cơ sở tiến hành nghiệm thu theo quy định*).

2. Thanh lý hợp đồng

Hợp đồng tự thanh lý sau khi bên nhận khoán (bên B) nhận đủ số tiền chi trả DVMTR của năm kế hoạch từ bên giao khoán (bên A).

Điều 7. Sửa đổi hợp đồng

1. Bất kỳ sự thay đổi hay điều chỉnh nào của hợp đồng này đều phải được thỏa thuận và đồng ý của hai bên.

2. Mọi sự thay đổi hoặc điều chỉnh chỉ có hiệu lực khi cả hai bên ký phụ lục hợp đồng sửa đổi, bổ sung hoặc biên bản ghi nhớ để làm cơ sở thực hiện hợp đồng, phụ lục hợp đồng.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng được chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

1. Khi hợp đồng hết thời hạn mà bên B không được bên A tiếp tục gia hạn.

2. Khi bên B hoặc bên A có nhu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn (*phải thông báo trước cho bên A hoặc Bên B biết ít nhất 30 ngày*).

3. Bên B hoặc bên A không thực hiện đầy đủ các nội dung theo thỏa thuận hợp đồng.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp

1. Bên giao khoán và bên nhận khoán giải quyết các tranh chấp phát sinh thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải thì sau thời gian 15 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp, bên giao khoán và bên nhận khoán được chủ động đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp Luật.

Điều 10. Hiệu lực của hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01/01/.....

2. Hai bên cam kết thực hiện đúng quy định tại hợp đồng này, nếu bên nào vi phạm hợp đồng thì phải bồi thường thiệt hại do việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp Luật.

Hợp đồng này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản, các bản còn lại được gửi đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, nhóm hộ, tổ đội bảo vệ rừng.

Phụ biểu: DANH SÁCH VÀ THÔNG TIN CÁC LÔ RỪNG KHOẢN BẢO VỆ

(Kèm theo Hợp đồng số...../HĐ-KBVR..... ngày.....tháng.....năm 20.....)

Đvt: ha

STT	Bên nhận khoán bảo vệ rừng	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Trạng thái	Trữ lượng (m3/ha)	Chức năng	Diện tích
	Tổng cộng							10,00
1	Hạ Thành	318	7	100185	HG1	60.3	SX	1,00
2	Hạ Thành	318	10	12	HG2	42	SX	2,00
3	Hạ Thành	318	10	22	HG2	42	SX	3,00
...								
n	Hạ Thành	318	11	314671	HG2	42	SX	4,00

SƠ ĐỒ MÔ TẢ VỊ TRÍ, RANH GIỚI VÀ ĐẶC ĐIỂM KHU VỰC KHOẢN BẢO VỆ RỪNG.....

Huyện:.....

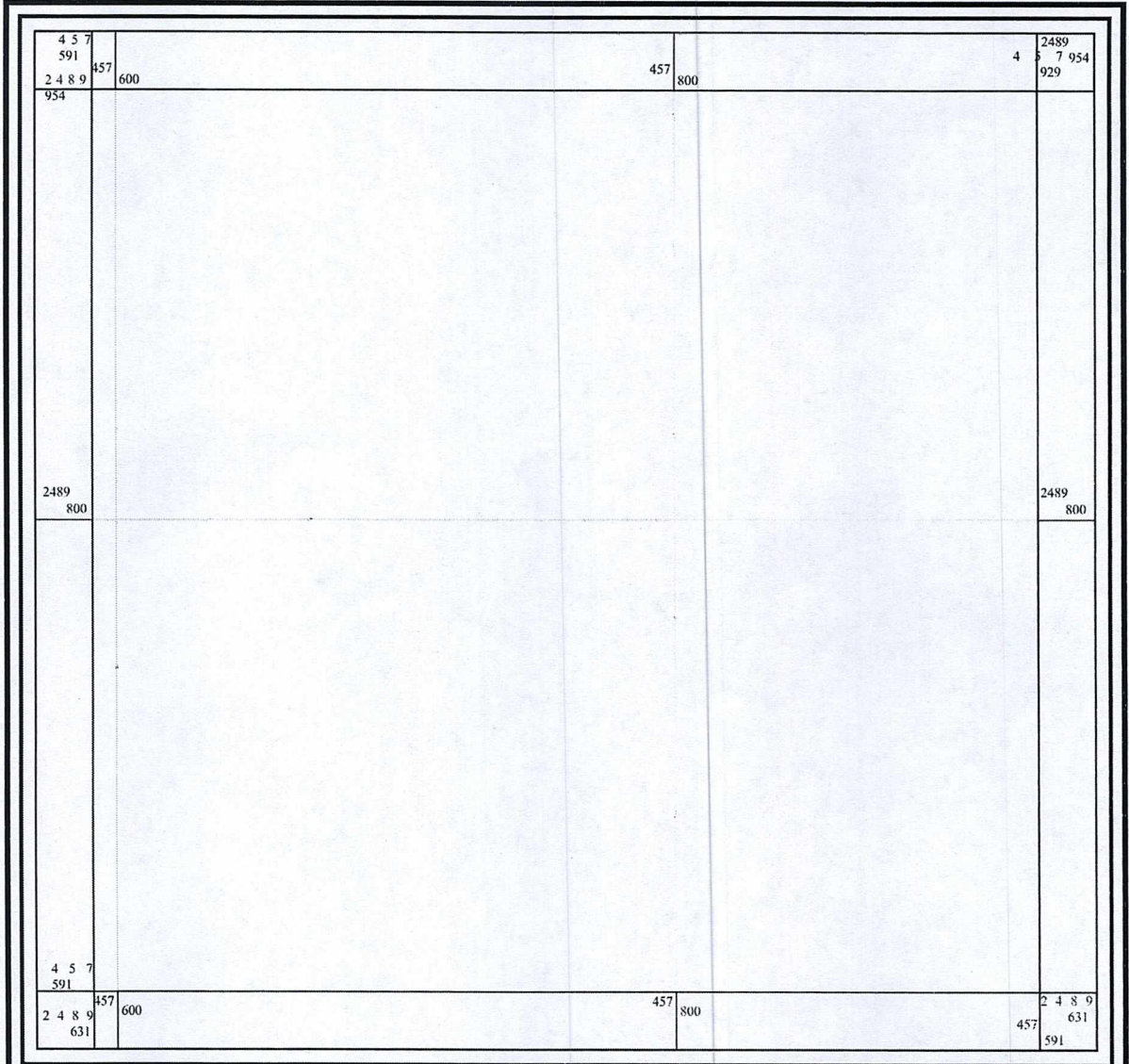
Tiểu khu:.....

Xã:.....

Khoảnh:.....

Bên nhận khoán:.....

Diện tích khoán:.....



CHÚ DẪN



- Ranh giới xã
- Ranh giới khoảnh
- Ranh giới lô
- ⊙ Đường bình độ, độ cao
- ~ Sông, suối
- Đường giao thông
- ⊙ Tiểu khu 13 Khoảnh
- ⊙ Lô rừng khoán bảo vệ
- 13 - TXP Tên lô-Trang thái
- 0,65 Diện tích

Ngày.....tháng.....năm
NGƯỜI LẬP

Ngày.....tháng.....năm
BÊN GIAO KHOẢN

Ngày.....tháng.....năm
BÊN NHẬN KHOẢN

Kích thước khổ giấy theo diện tích rừng được khoán bảo vệ rừng

**Đề cương Phương án sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng
phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng**
(Kèm theo Văn bản hướng dẫn liên ngành số 04/HD-NNPTNT-TC ngày 29/9/2023
của Sở Nông nghiệp & PTNT và Sở Tài chính)

UBND CẤP XÃ/TỔ CHỨC **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN

**Sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng
trên địa bàn xã, huyện năm 20....**

PHẦN I: CƠ SỞ LẬP PHƯƠNG ÁN

Căn cứ:

Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017 của Quốc hội;

Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Quyết định số/QĐ-UBND ngày/...../202... của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Hà Giang năm 202...;

Hướng dẫn liên ngành số/HD-NNPTNT-TC ngày/...../202... của liên Sở Nông nghiệp và PTNT và Tài chính về ...

PHẦN II: NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

1. Hiện trạng khu rừng trên địa bàn xã

Tổng diện tích rừng (... ha), rừng tự nhiên (... ha), rừng trồng (... ha), chức năng rừng (*Phòng hộ, đặc dụng, sản xuất*).

2. Phương thức tổ chức quản lý, bảo vệ rừng

- Diện tích tự bảo vệ
- Diện tích giao khoán..... ha; Hình thức khoán (*cộng đồng, hộ gia đình, nhóm hộ*).

3. Kế hoạch sử dụng tiền DVMTR phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng

Tổng kinh phí theo Quyết định thu chi: triệu đồng. Trong đó:

- Chi cho công tác bảo vệ rừng:
 - + Kinh phí chi cho diện tích tự bảo vệ:
 - + Kinh phí khoán bảo vệ:

- Tuần tra kiểm tra rừng:
- Làm thêm giờ:
- Tuyên truyền tập huấn:
- Hội nghị sơ tổng kết và thi đua khen thưởng:
- ...

PHẦN III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng

- Căn cứ phương án chủ động chuẩn bị các điều kiện, triển khai thực hiện các nội dung theo phương án được duyệt.
- Căn cứ phương án sử dụng tiền DVMTR được duyệt tại phương án này, sau khi có thông báo nguồn kinh phí của cấp có thẩm quyền hàng năm: Xây dựng dự toán chi tiết việc quản lý, sử dụng kinh phí trình thẩm định và phê duyệt theo quy định, làm căn cứ tổ chức triển khai thực hiện.

2. Các cơ quan, đơn vị phối hợp (*Hạt kiểm lâm huyện, Ban quản lý rừng phòng hộ, Ban quản lý rừng đặc dụng, Đoàn biên phòng, Công an huyện.....*)

PHẦN IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Phương án được xây dựng trên cơ sở quyết định phê duyệt kế hoạch thu, chi tiền DVMTR năm của UBND tỉnh và diện tích rà soát, bản đồ chi trả năm trước liền kề; hướng dẫn liên ngành của liên sở Nông nghiệp & PTNT, Tài chính và các quy định hiện hành.

- Đề nghị cơ quan quản lý tài chính trực tiếp thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để đơn vị làm căn cứ tổ chức triển khai thực hiện./.

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

(Kèm theo Văn bản hướng dẫn liên ngành số 04/HD-NNPTNT-TC ngày 29/9/2023 của Sở Nông nghiệp & PTNT và Sở Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

Diện tích rừng có cung ứng dịch vụ môi trường rừng được bảo vệ kế hoạch năm 20.....

Căn cứ vào: Hợp đồng số /HĐBVR ngày / /20.... giữa
(Bên giao khoán) và (Bên nhận khoán) về khoán bảo vệ rừng.

Hôm nay, ngày tháng năm 20...., tại thôn....., xã
....., huyện/thành phố, chúng tôi thống nhất nội dung sau:

I. TÊN CÔNG TRÌNH: Bảo vệ rừng có cung ứng dịch vụ môi trường rừng

II. ĐỊA ĐIỂM NGHIỆM THU:

III. THÀNH PHẦN

1. Đại diện bên giao khoán:.....

- Ông (bà):..... Lãnh đạo Bên giao khoán

- Ông (bà):..... Cán bộ phụ trách Lâm nghiệp

2. Đại diện bên nhận khoán:.....

- Ông (bà):..... Đại diện bên nhận khoán

- Ông (bà):..... Trưởng thôn

3. Đại diện bên liên quan

- Ông (bà)..... Kiểm lâm phụ trách địa bàn

- Ông (bà).....

- Ông (bà).....

IV. ĐÁNH GIÁ CÁC NỘI DUNG ĐÃ THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ NGHIỆM THU DIỆN TÍCH RỪNG CÓ CUNG ỨNG DVMTR ĐƯỢC BẢO VỆ

1. Diện tích rừng giao khoán theo hợp đồng: ha

2. Diện tích rừng đạt tiêu chuẩn nghiệm thu: ha, đạt..... %

- Diện tích rừng không bị tác động phá hoại (được nghiệm thu và thanh toán 100% giá trị hợp đồng): ha.

- Diện tích rừng bị xâm hại nhưng bên nhận khoán phát hiện và báo kịp thời ngay cho cơ quan có thẩm quyền (bên giao khoán hoặc chính quyền địa phương hoặc kiểm lâm địa bàn): ha.

3. Diện tích rừng không đạt tiêu chuẩn nghiệm thu: ha. Nguyên nhân:

.....
.....
.....

(Có mẫu phụ biểu chi tiết kèm theo)

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Biên bản kết thúc vào hồi ... giờ phút cùng ngày và thông qua các thành phần cùng tham gia cùng nhất trí ký tên./.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN KHOẢN
Đại diện bên nhận khoản Trưởng thôn

**ĐẠI DIỆN
BÊN GIAO KHOẢN**

ĐẠI DIỆN BÊN LIÊN QUAN

Đại diện Hạt Kiểm lâm
.....
.....

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG**
Khoán bảo vệ rừng

Căn cứ Hợp đồng số /HĐBVR ngày / /20.... giữa
(Bên giao khoán)..... và (Bên nhận khoán) về khoán bảo vệ rừng.

Hôm nay, ngày tháng năm 20..., tại thôn/tổ.....
xã....., chúng tôi gồm:

I. BÊN GIAO KHOÁN (GỌI TẮT LÀ BÊN A):

- Ông (bà):..... Lãnh đạo Bên giao khoán
- Ông (bà):..... Cán bộ phụ trách Lâm nghiệp
- Ông (bà):..... Kế toán

II. BÊN NHẬN KHOÁN (GỌI TẮT LÀ BÊN B):.....

Đại diện là Ông (bà); chức vụ.....

Địa chỉ: Thôn/tổ dân phố....., xã/phường/thị trấn.....,
huyện/thành phố, tỉnh Hà Giang

Năm sinh.....; số CCCD: ngày cấp
....., tại.....

Chúng tôi cùng nhau thống nhất và ký kết phụ lục Hợp đồng Khoán bảo vệ rừng với các điều khoản và điều kiện như sau:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung diện tích, hộ nhận khoán (nếu có thay đổi) theo khoản...điều hợp đồng đã ký số ngày tháng (hợp đồng ban đầu) như sau:

1. Điều chỉnh đại diện bên nhận khoán bảo vệ rừng (Bên B)

1.1. Đại diện bên nhận khoán theo Hợp đồng số ... /HĐBVR (Hợp đồng ban đầu): Ông/bà; chức vụ:

1.2. Nay điều chỉnh đại diện bên nhận khoán là: Ông/bà; chức vụ:

2. Điều chỉnh (hoặc bổ sung) diện tích rừng nhận khoán

2.1. Diện tích rừng bên B nhận khoán theo Hợp đồng số ... /HĐBVR (Hợp đồng ban đầu): ha.

2.2. Nay điều chỉnh, bổ sung diện tích rừng bên B nhận khoán là: ha.

Diện tích tăng (hoặc giảm) so với Hợp đồng số ... /HĐBVR: ha.

(Có phụ biểu mẫu chi tiết kèm theo)

Điều 3. Điều khoản khác

Được giữ nguyên theo hợp đồng Khoán bảo vệ rừng số/HĐBVR ngày.....tháng..... năm 20..... giữa..... (Bên giao khoán) và (Bên nhận khoán).

Điều 4. Hiệu lực của phụ lục hợp đồng

- Phụ lục hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký.
- Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng Khoán bảo vệ rừng số...../HĐBVR ngày.....tháng..... năm 20..... giữa..... (Bên giao khoán) và (Bên nhận khoán).

Phụ lục Hợp đồng này được lập thành bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản, các bản còn lại được gửi đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

